

Số: ...**07**/TB-MPC26

Cà Mau, ngày **30** tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú thực hiện công bố thông tin Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú

- Mã chứng khoán: MPC
- Địa chỉ: Khu công nghiệp phường 8, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 290-383-9391 Fax: (+84) 290-366-8795
- Email: minhphu@minhphu.com Website: <https://minhphu.com/>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC Hợp nhất năm 2025

- ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

- ☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- ☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- ☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày:
..30/03/2026 tại đường dẫn: minhphu@minhphu.com

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp Nhất năm 2025
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 6103000072

ngày 12 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 6103000072 đã được điều chỉnh 2 lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 11 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư (hiện nay là “Sở Tài chính”) Tỉnh Cà Mau cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 2000393273

ngày 15 tháng 5 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2000393273 ngày 24 tháng 9 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính (trước đây là “Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau”) Tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Chu Thị Bình
Ông Lê Văn Quang
Ông Lê Văn Điệp
Ông Phan Thanh Lộc
Bà Hồ Thu Lê
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa
Ông Sasaki Takahiro
Ông Suzuki Yoshiaki
Bà Lê Thị Dịu Minh
Ông Bùi Anh Dũng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 21 tháng 6 năm 2025)
Thành viên (đến ngày 21 tháng 6 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang
Bà Chu Thị Bình
Ông Lê Văn Điệp
Ông Lê Ngọc Anh
Bà Lê Thị Dịu Minh
Ông Chu Hồng Hà
Ông Suzuki Yoshiaki

Bà Lê Thị Minh Phú

Ông Bùi Anh Dũng

Ông Tsunoda Norihisa

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2025)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 8 tháng 4 năm 2025)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 1 tháng 4 năm 2025)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 29 tháng 4 năm 2025)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát	Ông Trần Văn Khánh Bà Lâm Thị Thúy Kiều Bà Vũ Thị Thảo Nguyên	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00694-26-2



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		7.566.104.228.798	6.176.307.171.954
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	422.023.691.830	519.780.134.885
Tiền	111		304.523.691.830	157.280.134.885
Các khoản tương đương tiền	112		117.500.000.000	362.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.376.115.551	15.313.291.784
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	5.535.941.176	8.806.789.411
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(5.535.941.176)	(5.580.753.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	6.376.115.551	12.087.255.390
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.755.562.044.341	1.516.366.465.372
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.532.249.304.825	1.414.743.711.022
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		262.068.788.674	133.162.375.527
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	81.163.703.808	85.347.141.954
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(119.919.752.966)	(116.886.763.131)
Hàng tồn kho	140	10	4.923.700.309.604	3.934.263.118.425
Hàng tồn kho	141		5.002.805.852.829	3.975.233.065.192
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(79.105.543.225)	(40.969.946.767)
Tài sản ngắn hạn khác	150		458.442.067.472	190.584.161.488
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.413.047.337	15.122.493.856
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(b)	377.067.126.981	151.069.487.303
Thuế phải thu Nhà nước	153	16(c)	70.961.893.154	24.392.180.329

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.638.635.323.080	3.360.460.552.555
Tài sản cố định	220		1.976.886.055.704	1.988.111.381.119
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.840.038.752.265	1.848.122.178.208
Nguyên giá	222		4.411.054.205.248	4.184.611.361.410
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.571.015.452.983)	(2.336.489.183.202)
Tài sản cố định vô hình	227	12	136.847.303.439	139.989.202.911
Nguyên giá	228		191.622.462.568	188.817.455.207
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.775.159.129)	(48.828.252.296)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.333.737.667.890	1.012.446.419.877
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.333.737.667.890	1.012.446.419.877
Đầu tư tài chính dài hạn	250		202.741.270.128	199.976.937.302
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	194.741.270.128	186.976.937.302
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	8.000.000.000	13.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		125.270.329.358	159.925.814.257
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	114.222.366.926	152.951.671.732
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	11.047.962.432	6.974.142.525
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.204.739.551.878	9.536.767.724.509

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.844.136.953.135	4.623.920.853.566
Nợ ngắn hạn	310		5.371.750.133.004	4.260.372.921.032
Phải trả người bán ngắn hạn	311		680.733.789.007	487.720.862.135
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		51.572.610.604	55.372.639.317
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(a)	16.970.455.323	22.501.321.206
Phải trả người lao động	314		142.955.563.373	126.818.750.207
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		63.035.959.089	60.647.554.623
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	22.624.889.390	315.292.964.288
Vay ngắn hạn	320	18(a)	4.389.204.902.397	3.112.283.668.681
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	4.651.963.821	79.735.160.575
Nợ dài hạn	330		472.386.820.131	363.547.932.534
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		31.490.856.921	32.271.621.969
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn	338	18(b)	239.783.968.347	160.617.223.796
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	200.111.994.863	169.659.086.769
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.360.602.598.743	4.912.846.870.943
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.360.602.598.743	4.912.846.870.943
Vốn cổ phần	411	21	4.010.930.000.000	4.009.383.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	292.143.085.865	292.269.641.421
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		191.652.339.553	173.125.325.575
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	568.695.929	121.715.806.042
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		726.636.289.569	183.943.803.019
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		203.165.713.120	380.948.649.679
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/(lỗ) năm trước	421b		523.470.576.449	(197.004.846.660)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		138.672.187.827	132.409.294.886
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.204.739.551.878	9.536.767.724.509

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Lê Văn Diệp
Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	14.632.633.738.216	14.763.861.388.474
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	34.388.524.817	28.623.888.029
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	24	14.598.245.213.399	14.735.237.500.445
Giá vốn hàng bán	11	25	12.791.442.656.256	13.586.554.885.350
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.806.802.557.143	1.148.682.615.095
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	106.025.986.927	93.550.706.925
Chi phí tài chính	22	27	238.915.889.210	238.960.799.255
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		146.551.230.619	143.081.297.564
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(c)	7.764.332.826	18.189.254.342
Chi phí bán hàng	25	28	720.851.141.562	795.803.846.157
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	318.594.739.807	310.134.483.301
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		642.231.106.317	(84.476.552.351)
Thu nhập khác	31	30	13.952.890.473	11.500.793.373
Chi phí khác	32	31	72.142.339.917	57.478.479.793
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(58.189.449.444)	(45.977.686.420)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		584.041.656.873	(130.454.238.771)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	25.624.818.432	18.021.490.300
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	26.379.088.187	42.144.544.211
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		532.037.750.254	(190.620.273.282)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước) (60 = 50 - 51 - 52)	60		532.037.750.254	(190.620.273.282)
Phân bổ:				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		523.470.576.449	(197.004.846.660)
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		8.567.173.805	6.384.573.378
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.260	(525)

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập



Lê Quang Huy
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
 Kế toán trưởng



Lê Văn Điệp
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	584.041.656.873	(130.454.238.771)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	260.520.722.723	257.023.358.231
Các khoản dự phòng	03	42.788.085.946	25.008.511.505
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(707.922.915)	6.781.127.404
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05	(3.964.240.415)	(2.353.077.894)
Lãi từ đánh giá lại tài sản góp vào công ty liên kết	05	(780.765.048)	(780.765.048)
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05	(4.157.766.368)	(3.861.779.978)
Phần lãi trong công ty liên kết	05	(7.764.332.826)	(18.189.254.342)
Chi phí lãi vay	06	146.551.230.619	143.081.297.564
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.016.526.668.589	276.255.178.671
Biến động các khoản phải thu	09	(639.021.399.311)	(352.682.477.095)
Biến động hàng tồn kho	10	(1.027.572.787.637)	1.007.759.227.856
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	342.874.830.771	247.649.057.692
Biến động chi phí trả trước	12	43.438.751.325	28.702.867.003
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	1.833.095.218	-
		(261.920.841.045)	1.207.683.854.127
Tiền lãi vay đã trả	14	(147.157.485.414)	(142.475.042.769)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.036.090.989)	(23.236.832.817)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.338.504.299
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(41.524.312.708)	(33.168.458.456)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(473.638.730.156)	1.010.142.024.384

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		1.420.444.444	10.380.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		13.786.941.530.675	12.415.805.515.829
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.426.834.496.857)	(13.037.057.903.228)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	35		(392.445.661.674)	-
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của Công ty	35		(3.120.000.000)	(7.923.794.878)
Tiền chi cho hoạt động tài chính khác	36		(35.210.834.058)	(33.793.594.427)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		930.750.982.530	(652.589.776.704)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(89.465.595.721)	59.549.657.114
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		519.780.134.885	465.325.427.461
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(11.571.069.580)	(3.763.715.787)
Ảnh hưởng chênh lệch quy đổi tiền tệ	61		3.280.222.246	(1.331.233.903)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	422.023.691.830	519.780.134.885

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập

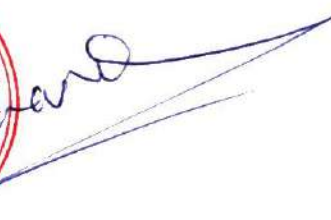


Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp

Người duyệt



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6103000072 do Sở Tài chính (trước đây là “Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh”) Tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 5 năm 2006.

Căn cứ theo Quyết định số 813/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán cho công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) với mã giao dịch là MPC.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là nuôi trồng, chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản; xây dựng và phát triển nhà dân dụng để bán và cho thuê cùng với các cơ sở (bao gồm cơ sở thương mại) nhằm mục đích cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

Trong năm, phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính và soát xét thông tin tài chính phải trả cho công ty kiểm toán là 1.744 triệu VND (2024: 1.744 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có 16 công ty con, chi tiết như sau:

STT	Công ty con	Hoạt động chính	% quyền biểu quyết 31/12/2025	% lợi ích kinh tế 31/12/2025	1/1/2025
1.	Mseafood Corporation	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	90,00%	90,00%	90,00%
2.	Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	98,27%	98,27%	98,27%
3.	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,50%	99,50%	99,50%
4.	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú Khánh An (trước đây là Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát)	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,17%	99,17%	99,17%
5.	Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	99,89%	99,89%	99,89%
6.	Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	99,84%	99,84%	99,83%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Công ty con	Hoạt động chính	% quyền biểu quyết 31/12/2025	% lợi ích kinh tế 1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
7.	Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
8.	Công ty TNHH Sản xuất Chế phẩm Sinh học Minh Phú (i)	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
9.	Công ty TNHH MTV Chuối cung ứng Thủy sản Minh Phú	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản; chế biến sản phẩm thủy sản; sản xuất thức ăn nuôi trồng thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị cho nuôi trồng thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
10.	Ebisumo Logistic Co., Ltd.	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
11.	Công ty TNHH Thực phẩm xanh Minh Phú (i)	Kinh doanh các sản phẩm nông lâm nghiệp.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
12.	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Minh Phú (i)	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
13.	Công ty TNHH Xuất khẩu Thủy sản Minh Phú	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
14.	Công ty Cổ phần Công nghệ Otanics	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
15.	Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú (ii)	Xây dựng cảng vận tải, cảng dầu khí; kinh doanh dầu khí, kinh doanh các loại máy móc và thiết bị cho sản xuất.	99,95%	99,95%	99,09%	99,09%



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con	Hoạt động chính	% quyền biểu quyết		% lợi ích kinh tế	
			31/12/2025	1/1/2025	31/12/2025	1/1/2025
16.	Công ty TNHH Xã hội Chuối Tôm Rừng Minh Phú	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, tư vấn nuôi trồng thủy sản và chế biến hàng thủy sản.	66,67%	66,67%	66,67%	66,67%

Mseafood Corporation được đăng ký thành lập ở Bang California, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Ebisumo Logistic Co., Ltd. được đăng ký thành lập tại Nhật Bản. Tất cả các công ty con còn lại được đăng ký thành lập tại Việt Nam.

- (i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa góp đủ vốn vào các công ty con này.
 - (ii) Công ty nắm giữ trực tiếp 50% lợi ích tại Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú và nắm giữ gián tiếp 49,95% lợi ích tại công ty này thông qua công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú Hậu Giang”).
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có 2 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 6(c).
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 12.463 nhân viên (1/1/2025: 12.823 nhân viên).

Đã kiểm tra và đúng
 Ngày 12/12/2025
 Người kiểm tra: [Chữ ký]

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch, trừ các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND đã được dự phòng rủi ro tỷ giá bằng các công cụ tài chính, các khoản này không được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty và Ban Giám đốc của các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và đầu tư vào trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	2 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 38 năm đến 59 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm đến 15 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và chi phí phát sinh liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa hoàn tất. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 20 năm đến 48 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn được trình bày theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

042
NHÀ
TƯ
M
HỒ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	9.119.690.434.899	5.475.648.946.502	97.871.052.052	42.027.066.992	-	14.735.237.500.445
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	4.949.714.889.460	439.921.915.697	463.869.714.656	1.045.602.271.375	(6.899.108.791.188)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	14.069.405.324.359	5.915.570.862.199	561.740.766.708	1.087.629.338.367	(6.899.108.791.188)	14.735.237.500.445
Kết quả kinh doanh của bộ phận	207.476.971.356	83.165.937.427	(282.401.846.206)	34.503.223.060	-	42.744.285.637
Doanh thu hoạt động tài chính						93.550.706.925
Chi phí tài chính						(238.960.799.255)
Phần lãi trong công ty liên kết						18.189.254.342
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh						(84.476.552.351)
Thu nhập khác						11.500.793.373
Chi phí khác						(57.478.479.793)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(60.166.034.511)
Lỗ thuần sau thuế						(190.620.273.282)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	14.069.030.744.546	3.077.546.664.462	1.340.018.487.192	796.421.797.592	(8.870.815.669.619)	10.412.202.024.173 792.537.527.705
Tổng tài sản						11.204.739.551.878
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	7.129.016.967.989	2.052.674.442.671	553.061.857.039	160.159.916.328	(4.167.927.169.604)	5.726.986.014.423 117.150.938.712
Tổng nợ phải trả						5.844.136.953.135
<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>						
Chi tiêu vốn Khấu hao và phân bổ	466.175.753.758 117.885.628.929	2.468.596.585 973.575.587	84.766.295.275 135.653.793.373	7.175.244.348 6.007.724.834	- -	560.585.889.966 260.520.722.723



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<i>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025</i>	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Bộ phận kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	11.342.707.366.413	1.716.735.310.781	1.459.925.314.019	758.533.071.961	(6.304.839.564.832)	8.973.061.498.342 563.706.226.167
Tổng tài sản						9.536.767.724.509
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	4.246.522.120.107	861.020.192.037	424.796.830.626	143.973.732.917	(1.436.255.725.177)	4.240.057.150.510 383.863.703.056
Tổng nợ phải trả						4.623.920.853.566
<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>						
Chỉ tiêu vốn	210.223.908.313	1.814.844.423	138.631.536.687	11.834.757.887	-	362.505.047.310
Khấu hao và phân bổ	114.432.790.587	1.140.293.970	136.979.315.780	4.470.957.894	-	257.023.358.231

Kiểm toán
Độc lập
Đảm bảo chất lượng
Đảm bảo tính minh bạch

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu	
	2025	2024
	VND	VND
Bắc Mỹ	4.888.365.367.083	3.944.314.481.188
Nhật Bản	3.313.516.674.411	2.744.726.753.931
Úc	1.962.894.469.914	2.404.212.884.701
Châu Âu	1.920.305.645.987	2.795.015.173.315
Hàn Quốc	936.068.777.934	1.058.247.194.436
Việt Nam	564.074.924.745	525.805.914.178
Các quốc gia khác	1.013.019.353.325	1.262.915.098.696
	14.598.245.213.399	14.735.237.500.445

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Việt Nam	10.347.581.202.335	8.877.956.223.420
Bắc Mỹ	806.678.982.927	632.711.922.298
Nhật Bản	50.479.366.616	26.099.578.791
	11.204.739.551.878	9.536.767.724.509

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	2.244.279.734	2.771.706.915
Tiền gửi ngân hàng	302.279.412.096	154.508.427.970
Các khoản tương đương tiền (*)	117.500.000.000	362.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	422.023.691.830	519.780.134.885

- (*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi, được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 4,0% đến 4,8% (1/1/2025: 3,8% đến 4,0%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025				1/1/2025			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào cổ phiếu:								
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 8	112.000	5.263.000.000	-	(5.263.000.000)	112.000	5.263.000.000	1.120.000.000	(4.143.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Mới Kim Tự Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	-	(272.941.176)	18.823	272.941.176	188.230.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Việt Nam	-	-	-	-	18	180.000	505.800	-
▪ Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	-	-	-	-	19	80.000	1.217.900	-
▪ Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	-	-	-	-	163.646	3.270.588.235	2.291.044.000	(1.437.753.017)
		5.535.941.176	-	(5.535.941.176)		8.806.789.411	3.600.997.700	(5.580.753.017)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu cuối	8.806.789.411	8.806.789.411
Thanh lý trong năm	(3.270.848.235)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.535.941.176	8.806.789.411
	<hr/>	<hr/>

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	5.580.753.017	5.580.753.017
Tăng dự phòng trong năm	1.392.941.176	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.437.753.017)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.535.941.176	5.580.753.017
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	6.376.115.551	12.087.255.390
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Đầu tư vào trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành (ii)	8.000.000.000	13.000.000.000

- (i) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 0,25% đến 1,25% (2024: 1,25% đến 4,00%).
- (ii) Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2025 phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành lần lượt ngày 18 tháng 11 năm 2021 và ngày 20 tháng 7 năm 2023. Các trái phiếu này không có đảm bảo và sẽ đáo hạn lần lượt vào ngày 18 tháng 11 năm 2031 và ngày 20 tháng 7 năm 2031 và hưởng lãi suất năm từ 5,88% đến 8,53% (2024: từ 5,98% đến 8,53%).

Biến động của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.000.000.000	13.000.000.000
Thanh lý trong năm	(5.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	8.000.000.000	13.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư vào các công ty liên kết

		31/12/2025		1/1/2025		
	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích kinh tế	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết						
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Aquamekong (“Aquamekong”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	21.218.113.607	(*)	19.884.045.137 (*)
▪ Công ty Cổ phần Mekong Logistics (“Mekong Logistics”) (**)	Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	49,00%	49,00%	173.523.156.521	(*)	167.092.892.165 (*)
				194.741.270.128	186.976.937.302	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Công ty gián tiếp nắm giữ 49,00% lợi ích tại Công ty Mekong Logistics thông qua công ty con là Công ty TNHH Thức ăn Tôm xanh Minh Phú.

Tất cả khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được thể chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	186.976.937.302	219.257.682.960
Cổ tức được chia từ các công ty liên kết	-	(50.470.000.000)
Lãi được chia từ các công ty liên kết	7.764.332.826	18.189.254.342
Số dư cuối năm	194.741.270.128	186.976.937.302

Thông tin tài chính được trích từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết tại ngày lập báo cáo như sau:

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận thuần sau thuế VND
Aquamekong	71.135.660.762	35.762.997.128	35.372.663.634	2.722.588.713
Mekong Logistics	457.678.274.731	117.895.846.888	339.782.427.843	13.122.988.482

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận thuần sau thuế VND
Aquamekong	70.277.231.197	37.627.156.276	32.650.074.921	6.522.103.462
Mekong Logistics	370.890.319.127	42.700.938.578	328.189.380.549	30.598.823.766

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ KB Seafood Company Pty Ltd.	336.244.082.292	260.577.563.209
▪ Censea Inc.	265.258.200.609	113.810.872.782
▪ Các khách hàng khác	930.747.021.924	1.040.355.275.031
	1.532.249.304.825	1.414.743.711.022

Tất cả khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18(a)).

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tạm ứng cho nhân viên (*)	54.637.317.298	55.586.060.959
Đặt cọc ngắn hạn	14.044.295.021	7.064.539.621
Lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức phải thu	2.839.662.822	11.876.591.457
Phải thu khác	9.642.428.667	10.819.949.917
	81.163.703.808	85.347.141.954

(*) Trong tạm ứng cho nhân viên bao gồm 42.696 triệu VND (1/1/2025: 42.696 triệu VND) tạm ứng để mua đất để phát triển vùng nuôi tôm.

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng	521.295.021	521.295.021
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
▪ Ông Chu Hồng Hà	33.696.050.000	33.696.050.000

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng phản ánh khoản đặt cọc cho mục đích thuê văn phòng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2025		Số ngày quá hạn	1/1/2025	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn						
▪ H.T. Foods Pvt Ltd.	Trên 4 năm	113.137.381.815	-	(113.137.381.815)	Trên 3 năm	113.137.381.815
▪ Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam	Trên 4 năm	1.317.053.978	-	(1.317.053.978)	Trên 3 năm	1.317.053.978
▪ Công ty TNHH Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy hải sản Việt Hải	Trên 6 năm	982.302.147	-	(982.302.147)	Trên 5 năm	982.302.147
▪ Công ty Cổ phần Nuôi trồng và Chế biến Thủy sản Mỏ Ốc Trắng	Trên 6 năm	771.913.390	-	(771.913.390)	Trên 5 năm	771.913.390
▪ Công ty TNHH Thanh Bình	Trên 6 năm	209.324.000	-	(209.324.000)	Trên 5 năm	209.324.000
▪ Công ty TNHH Nam Dũng	Trên 5 năm	353.238.600	-	(353.238.600)	Trên 4 năm	353.238.600
▪ Các khách hàng khác	Trên 3 năm	3.148.539.036	-	(3.148.539.036)	Trên 3 năm	1.785.841.779
		119.919.752.966	-	(119.919.752.966)		118.557.055.709
Trong đó:						
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn				(119.919.752.966)		(116.886.763.131)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	116.886.763.131	123.860.676.352
Tăng dự phòng trong năm	3.032.989.835	1.722.186.581
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(8.696.099.802)
Số dư cuối năm	119.919.752.966	116.886.763.131

10. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Hàng mua đang đi trên đường	74.353.178.592	-	78.175.597.215
Nguyên vật liệu	904.353.862.699	(18.337.354.855)	202.048.860.171
Công cụ và dụng cụ	26.590.487.905	(44.928.098)	39.977.977.904
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	192.549.996.952	(10.935.001.684)	208.123.489.958
Thành phẩm	3.804.958.326.681	(49.788.258.588)	3.446.907.139.944
	5.002.805.852.829	(79.105.543.225)	3.975.233.065.192
			(40.969.946.767)

Tất cả hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18(a)).

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 10.931 triệu VND (1/1/2025: Không) hàng tồn kho chậm luân chuyển khó tiêu thụ.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 1.112.620 triệu VND (1/1/2025: 101.388 triệu VND) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	40.969.946.767	123.137.031.984
Tăng dự phòng trong năm	78.821.381.365	30.995.311.771
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(106.885.333.625)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(40.459.226.430)	(7.708.986.847)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(226.558.477)	1.431.923.484
Số dư cuối năm	79.105.543.225	40.969.946.767

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.800.025.067.739	1.949.978.805.088	403.935.957.294	30.671.531.289	4.184.611.361.410
Tăng trong năm	19.031.668.594	29.301.293.666	11.917.135.455	2.611.017.900	62.861.115.615
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	144.322.179.369	14.565.002.362	-	28.505.319.458	187.392.501.189
Thanh lý	(146.307.343)	(18.584.994.990)	(5.399.858.829)	-	(24.131.161.162)
Xóa sổ	(37.000.000)	-	(134.000.000)	-	(171.000.000)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	1.222.144.676	-	-	(730.756.480)	491.388.196
Số dư cuối năm	1.964.417.753.035	1.975.260.106.126	410.319.233.920	61.057.112.167	4.411.054.205.248
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	823.577.399.762	1.326.138.500.520	162.016.736.724	24.756.546.196	2.336.489.183.202
Khấu hao trong năm	137.409.662.486	92.732.661.626	22.782.969.566	1.648.522.212	254.573.815.890
Thanh lý	(112.168.976)	(17.152.992.289)	(3.219.294.411)	-	(20.484.455.676)
Xóa sổ	(37.000.000)	-	(134.000.000)	-	(171.000.000)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	1.338.666.047	-	-	(730.756.480)	607.909.567
Số dư cuối năm	962.176.559.319	1.401.718.169.857	181.446.411.879	25.674.311.928	2.571.015.452.983
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	976.447.667.977	623.840.304.568	241.919.220.570	5.914.985.093	1.848.122.178.208
Số dư cuối năm	1.002.241.193.716	573.541.936.269	228.872.822.041	35.382.800.239	1.840.038.752.265



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 1.447.214 triệu VND (1/1/2025: 1.319.377 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 93.480 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (1/1/2025: 110.386 triệu VND và 536.081 triệu VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo lần lượt cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn) (Thuyết minh 18).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tạm thời nhàn rỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 30.451 triệu VND (1/1/2025: 25.389 triệu VND).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	20.702.670.510	131.943.393.304	36.171.391.393	188.817.455.207
Tăng trong năm	-	-	2.363.460.000	2.363.460.000
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	551.960.151	-	(110.412.790)	441.547.361
Số dư cuối năm	21.254.630.661	131.943.393.304	38.424.438.603	191.622.462.568
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	24.657.843.898	24.170.408.398	48.828.252.296
Khấu hao trong năm	-	3.001.030.502	2.945.876.331	5.946.906.833
Số dư cuối năm	-	27.658.874.400	27.116.284.729	54.775.159.129
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	20.702.670.510	107.285.549.406	12.000.982.995	139.989.202.911
Số dư cuối năm	21.254.630.661	104.284.518.904	11.308.153.874	136.847.303.439

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 19.685 triệu VND (1/1/2025: 5.152 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 31.892 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (1/1/2025: 32.847 triệu VND và 7.629 triệu VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo lần lượt cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn) (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.012.446.419.877	1.412.545.844.995
Tăng trong năm	495.361.314.351	318.722.692.232
Vốn hóa chi phí lãi vay	13.322.434.851	10.867.966.274
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(187.392.501.189)	(718.126.317.041)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(10.718.389.482)
Xóa sổ	-	(845.377.101)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.333.737.667.890	1.012.446.419.877

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn bao gồm:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhà máy Khánh An	809.189.792.038	432.572.635.369
Đường ống nước biển cho hồ nuôi tôm	304.281.820.330	302.953.238.956
Quyền sử dụng đất	100.310.366.201	100.310.366.201
Hệ thống xử lý nước thải	92.339.826.191	69.852.213.386
Hồ nuôi tôm và các công trình nuôi trồng	1.064.768.691	66.757.776.082
San lấp mặt bằng	5.681.190.502	26.136.600.000
Các công trình khác	20.869.903.937	13.863.589.883
	<hr/>	<hr/>
	1.333.737.667.890	1.012.446.419.877

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 809.190 triệu VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (1/1/2025: 6.607 triệu VND và 439.170 triệu VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo lần lượt cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn) (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	62.932.688.124	89.296.728.721	722.254.887	152.951.671.732
Tăng trong năm	1.193.491.422	37.656.558.272	-	38.850.049.694
Phân bổ trong năm	(5.013.858.629)	(71.843.240.984)	(722.254.887)	(77.579.354.500)
Số dư cuối năm	59.112.320.917	55.110.046.009	-	114.222.366.926

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn	3.702.812.522	-
Lãi chưa thực hiện do đánh giá lại tài sản gộp vào công ty liên kết	6.298.171.382	6.454.324.392
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	33.478.195	519.818.133
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.013.500.333	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11.047.962.432	6.974.142.525
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Lỗi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn	-	(6.460.886.297)
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	(200.111.994.863)	(163.198.200.472)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(200.111.994.863)	(169.659.086.769)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Số đã cân trừ/ phân loại lại VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	31/12/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.206.271.863	-	1.504.712.901	464.993.505	21.175.978.269
Thuế thu nhập cá nhân	388.214.995	-	(9.120.654)	8.721.932	387.816.273
Thuế nhập khẩu	761.228.697	-	49.324.000.000	(4.425.938.935)	45.659.289.762
Thuế nhà thầu	3.877.153.278	-	(340.717.021)	59.984.124	3.596.420.381
Thuế khác	159.311.496	3.727.273	(20.650.300)	-	142.388.469
	24.392.180.329	3.727.273	50.458.224.926	(3.892.239.374)	70.961.893.154

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	16.028.471.409	15.446.823.752
Cổ tức phải trả	2.601.048.425	294.773.460.099
Chi phí lãi vay	-	606.254.795
Phải trả khác	3.995.369.556	4.466.425.642
	22.624.889.390	315.292.964.288

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đặt cọc dài hạn nhận được	1.000.000.000	1.000.000.000

Tập đoàn không có khoản phải trả khác nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 bị quá hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm			Chênh lệch do đánh giá lại VND	31/12/2025 VND
	1/1/2025 VND	Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngắn hạn	3.022.537.546.552	13.462.165.250.253	(12.216.482.661.140)	(4.019.055.551)	4.264.201.080.114
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b))	89.746.122.129	159.607.086.485	(124.349.386.331)	-	125.003.822.283
	3.112.283.668.681	13.621.772.336.738	(12.340.832.047.471)	(4.019.055.551)	4.389.204.902.397
Số có khả năng trả nợ	3.112.283.668.681				4.389.204.902.397

10/12/2025 10:15:15 AM

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm 2025	Lãi suất năm 2024	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (*)					
▪ Khoản vay 1	VND	3,40% - 4,60%	3,20% - 3,80%	1.316.365.977.653	344.206.733.587
▪ Khoản vay 2	VND	4,00% - 4,60%	3,60% - 4,00%	1.164.273.764.430	209.258.460.783
▪ Khoản vay 3	USD	3,65% - 4,30%	3,80% - 4,00%	417.488.462.057	817.317.870.236
▪ Khoản vay 4	USD	3,65% - 4,30%	3,90% - 4,00%	82.014.630.442	697.650.708.421
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (*)					
▪ Khoản vay 1	VND	4,40% - 4,90%	-	441.152.267.753	-
▪ Khoản vay 2	VND	4,10% - 4,30%	-	137.200.000.000	-
▪ Khoản vay 3	USD	3,40% - 4,60%	3,50% - 3,80%	46.133.580.346	391.719.803.534
▪ Khoản vay 4	USD	-	3,70% - 3,90%	-	172.094.703.805
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Cà Mau (**)					
	USD	4,20%	-	30.805.215.703	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (*)					
▪ Khoản vay 1	VND	4,60%	3,50% - 4,00%	33.418.822.874	181.572.011.474
▪ Khoản vay 2	VND	4,60% - 4,85%	-	34.802.721.525	-
▪ Khoản vay 3	USD	4,50% - 4,10%	3,60% - 3,90%	263.925.193.976	74.498.544.663
▪ Khoản vay 4	USD	3,90% - 4,10%	3,80% - 4,00%	83.481.490.931	74.201.532.397
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)					
▪ Khoản vay 1	USD	3,60% - 4,00%	3,60%	213.138.952.424	60.017.177.652
				4.264.201.080.114	3.022.537.546.552

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(*) Các khoản vay ngắn hạn này được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

- Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 6(c))
- Đầu tư vào các công ty con của Công ty
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 7)
- Hàng tồn kho (Thuyết minh 10)
- Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)
- Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)
- Xây dựng cơ bản đang dở (Thuyết minh 13)

(**) Các khoản vay ngắn hạn này không có đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay dài hạn	364.787.790.630	250.363.345.925
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18(a))	(125.003.822.283)	(89.746.122.129)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	239.783.968.347	160.617.223.796
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm		Năm đáo hạn	31/12/2025	
	2025	2024		VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND 7,00%	8,20%	2026 - 2028	364.787.790.630	107.776.896.539
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	VND -	6,60%	2026 - 2027	-	142.586.449.386
				364.787.790.630	250.363.345.925

Các khoản vay dài hạn được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 7)
- Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)
- Trả trước cho người bán ngắn hạn của một công ty con

(1/1/2025: Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11), Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12), Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13), Trả trước cho người bán ngắn hạn của một công ty con).

Minh Phú

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	79.735.160.575	80.778.590.899
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	19.269.738.493	38.776.065.470
Hoàn nhập quỹ	(79.735.160.575)	(25.688.629.546)
Sử dụng trong năm	(14.592.059.879)	(15.133.444.384)
(Giảm)/tăng khác	(25.714.793)	1.002.578.136
Số dư cuối năm	4.651.963.821	79.735.160.575

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu của Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Phát hành cổ phiếu	3.998.873.000.000	292.399.641.421	153.153.670.889	103.309.972.911	775.521.309.414	5.323.257.594.635	133.939.804.540	5.457.197.399.175
Lỗi thuần trong năm	10.510.000.000	(130.000.000)	-	-	-	10.380.000.000	-	10.380.000.000
Cổ tức (*)	-	-	-	-	(197.004.846.660)	(197.004.846.660)	6.384.573.378	(190.620.273.282)
Giao dịch vốn cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(300.703.725.000)	(300.703.725.000)	(6.351.390.960)	(307.055.115.960)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	77.552.130.941	(77.552.130.941)	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(38.776.065.470)	(38.776.065.470)	-	(38.776.065.470)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(25.688.629.546)	51.377.259.092	25.688.629.546	-	25.688.629.546
Sử dụng quỹ	-	-	-	(33.793.594.427)	-	(33.793.594.427)	-	(33.793.594.427)
Các điều chỉnh khác	-	-	-	335.926.163	(28.917.997.416)	(28.582.071.253)	-	(28.582.071.253)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	19.971.654.686	-	-	19.971.654.686	2.436.307.928	22.407.962.614
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.009.383.000.000	292.269.641.421	173.125.325.575	121.715.806.042	183.943.803.019	4.780.437.576.057	132.409.294.886	4.912.846.870.943

Minh Phú

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu của Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Phải hành cổ phiếu	4.009.383.000.000	292.269.641.421	173.125.325.575	121.715.806.042	183.943.803.019	4.780.437.576.057	132.409.294.886	4.912.846.870.943
Lợi nhuận thuần trong năm	1.547.000.000	(126.555.556)	-	-	-	1.420.444.444	-	1.420.444.444
Cổ tức (*)	-	-	-	-	523.470.576.449	523.470.576.449	8.567.173.805	532.037.750.254
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(100.273.250.000)	(100.273.250.000)	(3.120.000.000)	(103.393.250.000)
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	35.779.529.987	(35.779.529.987)	-	-	-
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển (***)	-	-	-	(121.715.806.042)	121.715.806.042	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(35.210.834.058)	-	(35.210.834.058)	-	(35.210.834.058)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19) (***)	-	-	-	-	(19.269.738.493)	(19.269.738.493)	-	(19.269.738.493)
Các điều chỉnh khác	-	-	-	-	79.735.160.575	79.735.160.575	-	79.735.160.575
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	18.527.013.978	-	(26.906.538.036)	(26.906.538.036)	-	(26.906.538.036)
					-	18.527.013.978	815.719.136	19.342.733.114
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	4.010.930.000.000	292.143.085.865	191.652.339.553	568.695.929	726.636.289.569	5.221.930.410.916	138.672.187.827	5.360.602.598.743

(*) Ngày 5 tháng 12 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền cho các cổ đông là 100.273 triệu VND, tương đương 250 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (2024: 300.704 triệu VND, tương đương 750 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(**) Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 21 tháng 6 năm 2025 đã phê duyệt việc hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty và các công ty con với số tiền lần lượt là 121.716 triệu VND và 79.735 triệu VND.

21. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	401.093.000	4.010.930.000.000	400.938.300	4.009.383.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	401.093.000	4.010.930.000.000	400.938.300	4.009.383.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	292.143.085.865	-	292.269.641.421

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2025		2024	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	400.938.300	4.009.383.000.000	399.887.300	3.998.873.000.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	154.700	1.547.000.000	1.051.000	10.510.000.000
Số dư cuối năm	401.093.000	4.010.930.000.000	400.938.300	4.009.383.000.000

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	16.195.216.177	27.900.777.998
Từ hai đến năm năm	21.337.583.052	32.714.654.309
Sau năm năm	1.804.597.795	2.504.443.687
	<hr/>	<hr/>
	39.337.397.024	63.119.875.994
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
JPY	1.217.699.167	204.658.363.392	642.000.964	104.646.157.132
USD	2.363.254	62.089.775.513	1.222.669	31.092.407.914
EUR	4.913	150.610.189	30.571	812.748.943
CND	1.216	23.344.704	1.230	21.187.826
AUD	3	45.760	64	1.015.150
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
		266.922.139.558		136.573.516.965
		<hr/>		<hr/>

(c) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày lập báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Tập đoàn có các cam kết bán JPY và CAD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Hợp đồng cam kết bán JPY kỳ hạn	318.800.104.000	178.829.700.000
Hợp đồng cam kết bán CAD kỳ hạn	5.760.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	324.560.104.000	178.829.700.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	342.393.313.222	218.568.834.649
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.923.376.360	-
	<hr/> 346.316.689.582	<hr/> 218.568.834.649

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	14.594.466.891.696	14.732.104.377.328
▪ Phế liệu đã bán	25.195.774.923	28.911.184.116
▪ Doanh thu khác	12.971.071.597	2.845.827.030
	<hr/> 14.632.633.738.216	<hr/> 14.763.861.388.474
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	33.697.209.607	25.795.074.828
▪ Chiếu khấu thương mại	-	1.412.743.420
▪ Giảm giá hàng bán	691.315.210	1.416.069.781
	<hr/> 34.388.524.817	<hr/> 28.623.888.029
Doanh thu thuần	<hr/> 14.598.245.213.399	<hr/> 14.735.237.500.445

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Giá vốn hàng bán	12.753.080.501.321	13.563.268.560.426
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	38.362.154.935	23.286.324.924
	12.791.442.656.256	13.586.554.885.350

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	4.157.168.668	3.698.103.378
Cổ tức từ chứng khoán kinh doanh	597.700	163.676.600
Lãi chênh lệch tỷ giá từ thanh toán	99.547.568.971	88.980.043.848
Lãi chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại	1.307.438.206	708.883.099
Lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh	1.011.457.582	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.755.800	-
	106.025.986.927	93.550.706.925

27. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	146.551.230.619	143.081.297.564
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	90.331.200.791	88.366.606.162
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	599.515.291	7.490.010.503
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	1.392.941.176	-
Chi phí tài chính khác	41.001.333	22.885.026
	238.915.889.210	238.960.799.255

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí vận chuyển và chi phí dịch vụ mua ngoài	336.847.655.441	369.117.878.577
Chi phí thuê kho	142.389.948.427	214.631.058.220
Phí hoa hồng	89.979.432.906	99.972.045.350
Chi phí nhân viên	43.674.464.553	43.239.227.943
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.103.017.762	1.285.879.899
Chi phí bán hàng khác	104.856.622.473	67.557.756.168
	720.851.141.562	795.803.846.157

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	185.434.918.293	190.108.433.610
Chi phí dụng cụ văn phòng	15.662.880.186	20.819.894.234
Chi phí khấu hao và phân bổ	17.417.951.199	18.041.175.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.336.150.464	22.075.255.941
Phí ngân hàng và lệ phí khác	12.809.671.333	11.176.211.421
Chi phí quản lý khác	54.933.168.332	47.913.512.324
	318.594.739.807	310.134.483.301

120
H N
G T
P A
H G

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

30. Thu nhập khác

	2025 VND	2024 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.964.240.415	3.198.454.995
Tiền bồi thường nhận được	1.535.777.270	62.364.255
Thu nhập khác	8.452.872.788	8.239.974.123
	13.952.890.473	11.500.793.373

31. Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	47.124.752.543	33.720.393.761
Các khoản phạt	17.048.965.035	15.399.415.619
Chi phí khác	7.968.622.339	8.358.670.413
	72.142.339.917	57.478.479.793

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí hàng hóa đã bán	11.067.784.520.188	10.040.104.850.052
Chi phí nhân công và nhân viên	1.809.809.480.009	1.809.109.304.529
Chi phí khấu hao và phân bổ	212.485.738.708	223.302.964.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	819.957.926.234	851.974.615.370
Chi phí khác	263.249.931.481	490.775.421.347

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	25.624.818.432	18.054.257.884
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(32.767.584)
	25.624.818.432	18.021.490.300
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	26.379.088.187	42.144.544.211
	52.003.906.619	60.166.034.511

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	584.041.656.873	(130.454.238.771)
Thuế theo thuế suất của Công ty	58.404.165.687	(13.045.423.877)
Chi phí không được khấu trừ thuế	17.552.351.566	11.111.312.049
Ưu đãi thuế	(47.898.000.355)	(9.894.226.344)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	45.355.363.145	86.373.125.810
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	11.138.793.718	(14.329.617.883)
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(32.767.584)
Thu nhập không chịu thuế	(776.493.053)	(16.367.660)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(31.772.274.089)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	52.003.906.619	60.166.034.511

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	40.137.161.601	8.027.432.320	58.872.498.497	5.887.249.850
Lỗi tính thuế	1.470.669.550.042	282.073.379.680	1.818.600.248.536	308.184.284.059
	1.510.806.711.643	290.100.812.000	1.877.472.747.033	314.071.533.909

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ sau VND
2029	38.100.845.027

Lỗi tính thuế bao gồm lỗi tính thuế của Công ty và các công ty con. Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2026	Chưa quyết toán	228.411.837.844
2027	Chưa quyết toán	216.112.429.199
2028	Chưa quyết toán	375.238.739.801
2029	Chưa quyết toán	425.120.381.389
2030	Chưa quyết toán	225.786.161.809
		1.470.669.550.042

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	2025			
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Lỗ tính thuế VND	Giá trị thuế VND
Số dư đầu năm	58.872.498.497	5.887.249.850	1.818.600.248.536	308.184.284.059
Hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(58.872.498.497)	(5.887.249.850)	-	-
Phát sinh chênh lệch tạm thời	40.137.161.601	8.027.432.320	-	-
Lỗ tính thuế không được chuyển tiếp	-	-	(43.503.413.023)	(4.350.341.302)
Lỗ tính thuế hết hiệu lực	-	-	(90.073.988.845)	(10.808.878.661)
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	-	-	(300.735.067.351)	(31.772.274.089)
Lỗ tính thuế phát sinh trong năm	-	-	86.381.770.725	20.820.589.673
Số dư cuối năm	40.137.161.601	8.027.432.320	1.470.669.550.042	282.073.379.680

	2024			
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Lỗ tính thuế VND	Giá trị thuế VND
Số dư đầu năm	-	-	1.292.590.397.812	227.698.408.099
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	58.872.498.497	5.887.249.850	-	-
Lỗ tính thuế hết hiệu lực	-	-	(37.827.293.027)	(3.782.729.303)
Lỗ tính thuế phát sinh trong năm	-	-	563.837.143.751	84.268.605.263
Số dư cuối năm	58.872.498.497	5.887.249.850	1.818.600.248.536	308.184.284.059

(e) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế từ hoạt động chế biến và sản xuất thủy sản và mức thuế suất thuế thu nhập thông thường đối với các hoạt động kinh doanh khác.

3100
 CH
 ON
 K
 4 PH

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con

Mseafood Corporation (“Mseafood”)

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận tính thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 21% của lợi nhuận tính thuế.

Ebisumo Logistic Co., Ltd. (“Ebisumo”)

Theo quy định của Nhật Bản, Ebisumo phải nộp 2 loại thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại mức thuế suất 15% cho 8 triệu JPY thu nhập chịu thuế đầu tiên và 23,4% cho khoản thu nhập chịu thuế vượt quá 8 triệu JPY.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa phương hoạt động: mức thuế suất 4,4% của thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các công ty con ở Việt Nam

Các công ty con ở Việt Nam của Công ty được hưởng các mức thuế ưu đãi khác nhau trong đó một số công ty con được miễn giảm thuế.

Mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp thông thường áp dụng cho doanh nghiệp tại Việt Nam là 20%.

34. Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

(a) Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lãi/(lỗ) thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ	523.470.576.449	(197.004.846.660)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(19.269.738.493)	(38.776.065.470)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông	504.200.837.956	(235.780.912.130)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2025	2024
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đầu năm	400.146.451	399.887.300
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	47.470	259.151
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	400.193.921	400.146.451
	<hr/>	<hr/>

(iii) Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	2025	2024
	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	1.260	(525)
	<hr/>	<hr/>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Trong năm, Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Mua dịch vụ	48.938.025.940	83.197.276.491
Cổ tức nhận được	-	50.470.000.000
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Chi phí thuê văn phòng	7.073.109.810	6.936.759.650
Các cổ đông chính		
MPM Investments Pte. Ltd.		
Cổ tức công bố	35.113.543.156	105.300.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Bà Chu Thị Bình		
Cổ tức công bố	17.597.502.288	52.772.145.000
Mua lại phần vốn chủ sở hữu tại công ty con	-	4.000.000.000
Ông Lê Văn Quang		
Cổ tức công bố	16.123.418.739	48.351.600.000

Các giao dịch với nhân sự quản lý chủ chốt

Tổng lương, thưởng và các khoản phụ cấp trả cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc trong năm như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Bà Chu Thị Bình	150.000.000	150.000.000
Ông Lê Văn Quang	150.000.000	150.000.000
Ông Lê Văn Diệp	150.000.000	150.000.000
Ông Phan Thanh Lộc	300.000.000	325.000.000
Bà Hồ Thu Lê	300.000.000	325.000.000
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	300.000.000	325.000.000
Ông Sasaki Takahiro	300.000.000	325.000.000
Ông Suzuki Yoshiaki (từ ngày 25 tháng 6 năm 2024)	200.000.000	167.916.667
Bà Lê Thị Dịu Minh (từ ngày 21 tháng 6 năm 2025)	79.000.000	-
Ông Bùi Anh Dũng (đến ngày 21 tháng 6 năm 2025)	71.000.000	150.000.000
Ông Hamaya Harutoshi (đến ngày 25 tháng 6 năm 2024)	-	145.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Lê Văn Quang	2.862.852.276	2.876.826.346
Bà Chu Thị Bình	2.735.628.674	2.779.693.134
Ông Lê Văn Diệp	3.567.689.678	6.600.314.917
Ông Lê Ngọc Anh (từ ngày 25 tháng 6 năm 2024)	1.628.216.493	2.076.704.236
Bà Lê Thị Dịu Minh	2.130.802.741	2.079.198.593
Ông Suzuki Yoshiaki (từ ngày 1 tháng 4 năm 2025)	554.400.000	-
Bà Lê Thị Minh Phú (từ ngày 8 tháng 4 năm 2025)	3.006.811.448	-
Ông Tsunoda Norihisa (đến ngày 29 tháng 4 năm 2025)	277.200.000	900.900.000
Ông Bùi Anh Dũng (đến ngày 1 tháng 4 năm 2025)	2.808.172.790	2.391.646.141
Ông Chu Hồng Hà	1.523.334.856	1.998.103.178

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	2025 VND	2024 VND
Ban Kiểm soát		
Ông Trần Văn Khánh	437.490.783	439.462.983
Bà Lâm Thị Thúy Kiều	326.873.802	338.841.858
Bà Vũ Thị Thảo Nguyên	48.000.000	48.000.000

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2025 VND	2024 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	127.064.457.551	61.951.180.696

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

38. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Sau khi kết thúc năm tài chính, căng thẳng địa chính trị leo thang và xung đột vũ trang ở Trung Đông đã gây ra những tác động đối với kinh tế toàn cầu, bao gồm biến động giá năng lượng, gián đoạn các tuyến vận chuyển toàn cầu và chuỗi cung ứng quốc tế. Do một phần hàng hóa của Công ty được xuất khẩu cho các khách hàng ở khu vực Trung Đông, Bắc Mỹ và Châu Âu, vì thế sự kiện này có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang theo dõi sát sao tình hình địa chính trị ở Trung Đông và chủ động quản lý tác động của sự kiện này bằng cách (1) liên lạc với các khách hàng chính và điều chỉnh các thỏa thuận vận chuyển nếu cần thiết; (2) quản lý chi phí để giảm thiểu tác động tài chính; và (3) điều chỉnh chiến lược kinh doanh nếu sự kiện này tiếp tục kéo dài.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

Người lập

Lê Quang Huy
Kế toán tổng hợp


Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng


Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

THƯ GIẢI TRÌNH

(V/v biến động lợi nhuận hợp nhất năm 2025 so với cùng kỳ đã kiểm toán)

KÍNH GỬI : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ vào chương III, điều 14, khoản 4(a,b) thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán .

Nay, Tập đoàn thủy sản Minh Phú (Mã CK : MPC) giải trình chênh lệch lợi nhuận trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 so với cùng kỳ năm trước như sau :

CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024
Lợi nhuận sau thuế	532.037.750.254	(190.620.273.282)

Nguyên nhân:

- Do Công ty chủ động đẩy mạnh sản xuất và bán các mặt hàng giá trị gia tăng với giá trị lớn làm cho tỷ lệ lãi gộp trên doanh thu tăng làm cho lợi nhuận sau thuế tăng.
- Do Công ty kiểm soát tốt dòng tiền và các yếu tố chi phí góp phần làm cho lợi nhuận sau thuế tăng.

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất của năm tăng trên 10% và chuyển từ lỗ sang lãi so với cùng kỳ năm trước./.

Trân trọng kính chào .

Nơi nhận :
- Như trên
- Lưu VT

Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2026
TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
B. TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN ĐIỆP

TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
KCN P8, TP. CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU
ĐT: 02903.838262 Fax 02903.833.119
Số: 06/2025/UQKBCTC-MPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 01 tháng 01 năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

TÔI: LÊ VĂN QUANG

CCCD số: 022058000698, Ngày cấp 21/12/2021, Nơi cấp: Cục Trường Cục CSQLHC về TTXH.

Địa chỉ thường trú: 82 đường số 2, Cư xá Đô Thành, phường Bàn Cờ, TP. HCM, VN

Chức vụ: Tổng giám đốc, và là người đại diện theo pháp luật của của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú** (GPKD số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 24/09/2025).

Trong phạm vi quyền hạn của mình, tôi ủy quyền cho:

Ông: LÊ VĂN ĐIỆP

CCCD số: 096072015834, Ngày cấp 28/06/2021 Nơi cấp: Cục Trường Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 212 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công Ty Cổ phần Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú

Ông: LÊ VĂN ĐIỆP được quyền thay tôi đại diện Công Ty Cổ phần Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú thực hiện các công việc trong phạm vi như sau:

- Ký các hồ sơ sổ sách chứng từ kế toán, các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính năm của Công Ty Cổ phần Tập đoàn Thủy Sản Minh Phú
- Thời hạn ủy quyền từ ngày ký văn bản ủy quyền đến hết ngày 01/01/2029

Ông **Lê Văn Điệp** có nghĩa vụ: (i) nỗ lực thực hiện, hoàn thành công việc được ủy quyền; (ii) kiểm tra, giám sát, thực hiện các công việc được ủy quyền trên đảm bảo lợi ích cao nhất của công ty; (iii) thực hiện theo đúng điều lệ công ty cũng như quy định của pháp luật có liên quan về các công việc nêu trên và (iv) chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc và pháp luật về công việc được ủy quyền trên.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên ./.



LÊ VĂN QUANG

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

LÊ VĂN ĐIỆP